

Số:274...../SGD

V/v: giải trình chênh lệch 10% LNST

TP.Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 08 năm 2017

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên Công ty: CTCP SÁCH GIÁO DỤC TẠI TPHCM
2. Mã chứng khoán: SGD
3. Địa chỉ trụ sở chính: 363 Hưng Phú - Phường 9- Quận 8- TPHCM
4. Điện thoại: 08.39540591- 08.39540600 - Fax: 08.39540598
5. Người được UQ CBTT: PHAN THỊ NAM PHƯƠNG
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2017 của CTCP Sách Giáo dục tại TPHCM được lập ngày 16/08/2017 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC (Số liệu trên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC)
 - 6.2 Nội dung giải trình:
 - Chênh lệch lợi nhuận sau thuế của BCTC hợp nhất: Ngày 17/11/2016 Công ty CP Sách TBTH Vĩnh Long thành công ty con của Cty CP Sách Giáo dục tại TPHCM. Vì vậy số liệu BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2017 không tương thích để so sánh với số liệu cùng kỳ
 - Số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh số liệu sau kiểm toán LNST tăng 2.3% so với số liệu trước kiểm toán. Do có điều chỉnh một số chi phí như sau:
 - Công ty Mẹ giảm trích dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, điều chỉnh giảm chi phí kiểm toán năm 2016: Tổng cộng bút toán điều chỉnh giảm chi phí: 182.177.230 đồng
 - Công ty CP Sách TBTH Đồng Nai (Cty con): Điều chỉnh giảm chi phí lãi vay 8.171.660 đồng (do hạch toán 2 lần), chi phí giá vốn, quản lý: 4.047.299
 - Tổng chi phí điều chỉnh giảm trên BCTC hợp nhất: 194.396.189 đồng

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.sgd.edu.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC-HC-TH.



PHAN THỊ NAM PHƯƠNG

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 06 /01/2017 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2017 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 363 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 028.39540600
- Fax: (84) 028.39540598
- Website: www.sgd.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 37 người. Trong đó nhân viên quản lý là 9 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------------|----------|--|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Tuấn Kiệt | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 01/04/2017 |
| • Bà Trần Thị Mỹ | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 08/03/2016
Miễn nhiệm ngày 01/04/2017 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Phan Xuân Phương | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Huỳnh Thị Thùy Trang | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Tuấn Kiệt | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2016 |
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 30/06/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 901/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, được lập ngày 16/08/2017 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 36.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

T.N.H.H
KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN
AAC

Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B 01 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		105.976.506.365	63.057.351.390
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	31.907.211.932	25.589.197.657
1. Tiền	111		3.327.211.932	5.179.197.657
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.580.000.000	20.410.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6.a	3.348.279.486	2.200.628.186
1. Chứng khoán kinh doanh	121		3.351.044.826	2.319.528.206
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.765.340)	(118.900.020)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.833.900.295	17.066.321.433
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	31.309.875.121	15.091.304.713
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	10.083.751.667	3.505.640.139
3. Các khoản phải thu khác	136	9	1.075.347.424	708.355.792
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.649.316.381)	(2.238.979.211)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		14.242.464	-
IV. Hàng tồn kho	140	11	29.609.881.673	17.822.254.192
1. Hàng tồn kho	141		31.999.006.511	20.573.923.801
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.389.124.838)	(2.751.669.609)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		277.232.979	378.949.922
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	70.576.926	62.043.631
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	206.656.053	316.906.291
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			18.059.356.549	29.845.468.955
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		13.623.722.860	13.985.814.068
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	7.148.115.998	7.499.319.704
- Nguyên giá	222		14.274.690.414	14.274.690.414
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.126.574.416)	(6.775.370.710)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	6.475.606.862	6.486.494.364
- Nguyên giá	228		6.545.856.872	6.545.856.872
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(70.250.010)	(59.362.508)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	10.206.043.398
- Nguyên giá	231		-	10.438.812.805
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(232.769.407)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		287.846.100	500.384.111
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	287.846.100	500.384.111
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.000.000.000	2.840.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.b	2.000.000.000	2.840.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.147.787.589	2.313.227.378
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	1.008.288.757	1.107.791.866
2. Lợi thế thương mại	269		1.139.498.832	1.205.435.512
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		124.035.862.914	92.902.820.345

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
C. Nợ phải trả	300		57.550.972.077	24.889.931.550
I. Nợ ngắn hạn	310		57.088.472.077	24.427.431.550
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	25.128.433.886	15.157.735.410
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	660.270.515	1.422.439.893
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	18	331.744.561	43.313.308
4. Phải trả người lao động	314		3.026.816.958	2.873.481.856
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	2.710.579.015	4.643.903.729
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20.a	25.460.858.170	474.486.026
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21.a	45.000.000	90.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(275.231.028)	(277.928.672)
II Nợ dài hạn	330		462.500.000	462.500.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	20.b	260.000.000	260.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21.b	202.500.000	202.500.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		66.484.890.837	68.012.888.795
I. Vốn chủ sở hữu	410		66.484.890.837	68.012.888.795
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	22	41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	2.228.495.718	2.228.186.395
3. Cổ phiếu quỹ	415	22	(679.873.904)	(679.873.904)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	5.113.646.594	5.088.022.015
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	6.631.631.673	8.249.419.972
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.590.966.675	4.175.366.656
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.040.664.998	4.074.053.316
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		11.820.990.756	11.757.134.317
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		124.035.862.914	92.902.820.345



Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2017

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017

Mẫu số B 02 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	23	79.364.784.371	79.271.320.078
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	1.109.430.718	816.199.244
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		78.255.353.653	78.455.120.834
4. Giá vốn hàng bán	11	25	66.137.498.616	66.733.377.784
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		12.117.855.037	11.721.743.050
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	692.507.102	399.881.302
7. Chi phí tài chính	22	27	280.865.603	(115.592.083)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		19.000.283	21.893.777
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	28.a	4.678.088.086	4.088.789.183
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	4.680.461.653	4.654.245.056
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.170.946.797	3.494.182.196
12. Thu nhập khác	31	29	76.283.219	10.736.082
13. Chi phí khác	32	30	184.191.875	54.293.872
14. Lợi nhuận khác	40		(107.908.656)	(43.557.790)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.063.038.141	3.450.624.406
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	473.758.455	591.955.599
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.589.279.686	2.858.668.807
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		2.042.820.348	2.355.505.209
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		546.459.338	503.163.598
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	505	586
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	505	586



Nguyễn Tuấn Kiệt
Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2017

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017

Mẫu số B 03 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.063.038.141	3.450.624.406
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	428.027.888	401.178.754
- Các khoản dự phòng	03	(1.068.342.281)	455.096.952
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(200.482.322)	(399.881.302)
- Chi phí lãi vay	06	19.000.283	21.893.777
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	2.241.241.709	3.928.912.587
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(23.162.613.243)	(17.511.148.018)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(11.425.082.710)	(8.959.105.347)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	32.523.164.051	32.637.668.515
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	303.507.825	(769.086.337)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	(1.031.516.620)	(230.514.180)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(19.000.283)	(21.893.777)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(218.669.516)	(533.333.672)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(55.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(788.968.787)	8.485.599.771
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	-	(198.930.612)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	10.092.018.618	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	462.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	711.048.194	422.466.024
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	11.265.066.812	223.535.412
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	1.870.846.404
2. Tiền trả lại VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	(131.000.000)	(85.000.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	600.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(645.000.000)	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.982.083.750)	(4.311.410.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.158.083.750)	(2.525.563.596)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	6.318.014.275	6.183.571.587
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	25.589.197.657	15.677.593.560
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	31.907.211.932	21.861.165.147



Nguyễn Tuấn Kiệt
Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2017

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 06/01/2017 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2017 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2017, Công ty có 2 công ty con:

- Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long
Địa chỉ: Số 23 đường Lê Văn Tám, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
Ngành nghề kinh doanh chính: phát hành các loại sách dùng trong nhà trường, phân phối cung ứng các loại thiết bị trường học.
Tỷ lệ sở hữu: 53,27%
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai
Địa chỉ: Số 10 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, các loại ấn phẩm, cung ứng thiết bị trường học.
Tỷ lệ sở hữu: 52,15%

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017 (từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.
Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

chấn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Tài sản cố định khác	4

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong niên độ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản vay, chi phí phải trả và phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%. Đối với lĩnh vực xuất bản: áp dụng thuế suất 10%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017	01/01/2017
Tiền mặt	435.909.746	737.357.970
Tiền gửi ngân hàng	2.891.302.186	4.441.839.687
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	28.580.000.000	20.410.000.000
Cộng	31.907.211.932	25.589.197.657

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Chứng khoán kinh doanh	3.351.044.826	3.486.808.500	(2.765.340)	2.319.528.206	2.228.290.000	(118.900.020)
+ Công ty CP Sách GD TP Hà Nội (EBS)	1.805.534.680	1.812.400.000	-	1.805.534.680	1.694.200.000	(111.334.680)
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	303.646.470	304.200.000	-	289.420.020	306.600.000	-
+ Công ty CP Sông Đà 4 (SD4)	36.365.340	33.600.000	(2.765.340)	36.365.340	28.800.000	(7.565.340)
+ Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)	683.078.670	769.820.000	-	188.208.166	198.690.000	-
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	522.419.666	566.788.500	-	-	-	-
Cộng	3.351.044.826	3.486.808.500	(2.765.340)	2.319.528.206	2.228.290.000	(118.900.020)

Biến động trong kỳ

	Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Tổng giá trị cổ phiếu	125.750	1.125.282.870	-	-
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	1.500	20.286.450	-	-
+ Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)	45.200	582.576.754	-	-
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	79.050	522.419.666	-	-
Cộng	125.750	1.125.282.870	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình hoạt động					30/06/2017				01/01/2017	
	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư vào đơn vị khác				2.000.000.000	-			2.840.000.000	-	
- Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng				-	-	5,30%	5,30%	840.000.000	-	
- Công ty CP Đầu tư xuất bản sách - TBTH Việt Nam	Đang hoạt động	2%	2%	200.000	2.000.000.000	2%	2%	2.000.000.000	-	
Cộng				2.000.000.000	-			2.840.000.000	-	

Kết quả kinh doanh của Công ty CP Đầu tư xuất bản sách – TBTH Việt Nam có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Đắc Lắc	516.880.765	802.887.460
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	1.443.689.714	-
Công ty TNHH SX-TM Thiết bị Vạn Lợi	1.240.000.000	1.280.000.000
Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị Trường học tỉnh Đắk Nông	36.028.244	1.113.142.622
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	543.065.867	1.335.785.442
Các đối tượng khác	27.530.210.531	10.559.489.189
	-	-
Cộng	31.309.875.121	15.091.304.713

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty liên quan	30/06/2017	01/01/2017
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP. Cần Thơ	7.687.425	7.553.100
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	1.443.689.714	-
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	-	304.108.115
Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục tại Đà Nẵng	165.840.000	77.672.000
Công ty CP Học liệu (EMCO)	70.076.956	79.229.976
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh	-	27.717.013
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	543.065.867	1.335.785.442
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	145.509.985	92.775.905
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Trung	9.815.000	-
Công ty CP Sách - Thiết bị giáo dục Bình Dương	231.721.453	188.520.520
Công ty CP Sách và Thiết bị Bến Tre	99.228.385	11.722.320
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Trà Vinh	46.494.600	10.507.500
Cộng	2.763.129.385	2.128.038.791

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường phổ thông Công nghệ Giáo Dục	1.957.216.800	-
Công ty TNHH In và Thương mại Vĩnh Thành	3.006.659.181	3.357.678.381
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Phương Nam	3.983.068.962	-
Các đối tượng khác	1.136.806.724	147.961.758
Cộng	10.083.751.667	3.505.640.139

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Trả trước người bán là các bên liên quan

Công ty liên quan	30/06/2017	01/01/2017
Phải trả		
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường phổ thông Công nghệ Giá	1.957.216.800	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Phương Nam	3.983.068.962	-
Cộng	5.940.285.762	-

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	49.455.556	-	67.996.648	-
Tạm ứng	728.766.780	-	355.009.056	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	262.205.648	-	254.430.648	-
Phải thu khác	34.919.440	-	30.919.440	-
Cộng	1.075.347.424	-	708.355.792	-

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2017	01/01/2017
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Từ 3 năm trở lên	1.119.172.962	1.772.141.479
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	77.898.600	66.556.000
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	384.000.000	-
- Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	68.244.819	400.281.732
Cộng	1.649.316.381	2.238.979.211

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	25.143.769	-
Nguyên liệu, vật liệu	143.893.166	-	453.719.267	-
Công cụ, dụng cụ	1.050.000	-	-	-
Chi phí SX, KD dở dang	2.091.977.522	-	1.877.405.187	-
Thành phẩm	13.257.842.276	2.327.145.253	7.130.518.197	2.472.790.553
Hàng hóa	16.504.243.547	61.979.585	11.087.137.381	278.879.056
Cộng	31.999.006.511	2.389.124.838	20.573.923.801	2.751.669.609

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2017 là 1.934.100.069 đồng.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2017.

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	36.637.546	31.779.091
Chi phí bảo hiểm	33.939.380	30.264.540
Cộng	70.576.926	62.043.631

b. Dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	442.039.017	44.998.142
Trợ cấp thôi việc	-	67.353.000
Chi phí tổ chức bán thảo	566.249.740	995.440.724
Cộng	1.008.288.757	1.107.791.866

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	10.873.291.886	90.782.720	3.033.101.520	119.809.800	157.704.488	14.274.690.414
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Đ/tư XDCB h/thành	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	10.873.291.886	90.782.720	3.033.101.520	119.809.800	157.704.488	14.274.690.414
Khấu hao						
Số đầu kỳ	4.422.640.281	34.636.134	2.162.138.519	106.673.125	49.282.651	6.775.370.710
Khấu hao trong kỳ	199.854.865	15.026.387	103.472.720	13.136.675	19.713.059	351.203.706
Trình bày lại	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	4.622.495.146	49.662.521	2.265.611.239	119.809.800	68.995.710	7.126.574.416
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	6.450.651.605	56.146.586	870.963.001	13.136.675	108.421.837	7.499.319.704
Số cuối kỳ	6.250.796.740	41.120.199	767.490.281	-	88.708.778	7.148.115.998

Nguyên giá Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 là 3.238.433.251 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm nợ vay là 700.414.502 đồng.

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	6.468.156.872	77.700.000	6.545.856.872
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	6.468.156.872	77.700.000	6.545.856.872
Khấu hao			
Số đầu kỳ	-	59.362.508	59.362.508
Khấu hao trong kỳ	-	10.887.502	10.887.502
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	70.250.010	70.250.010
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	6.468.156.872	18.337.492	6.486.494.364
Số cuối kỳ	6.468.156.872	7.449.990	6.475.606.862

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m². Mục đích sử dụng: dùng để xây dựng văn phòng làm việc Công ty.

(*) Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 là 33.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2017	01/01/2017
Dự án siêu thị sách (*)	287.846.100	287.846.100
Cửa hàng sách	-	212.538.011
Cộng	287.846.100	500.384.111

(*) Đây là các chi phí khảo sát, thiết kế, lập dự án siêu thị sách. Tuy nhiên, Dự án này đang tạm ngưng do chưa giải phóng được mặt bằng.

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Hà Nội	799.743.119	667.514.259
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hà Nội	4.573.553.676	2.979.319.006
Trương Kim Oanh	867.000.000	841.000.000
Ngô Ngọc Nhị (Lâm Đồng)	694.125.000	694.125.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	749.543.055	451.537.227
Các đối tượng khác	17.444.469.036	9.524.239.918
Cộng	25.128.433.886	15.157.735.410

Trong đó: Phải trả người bán là các bên có liên quan

Công ty liên quan	30/06/2017	01/01/2017
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	1.562.223.680	274.990.486
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	28.332.650	12.564.400
Công ty CP Sách Dân Tộc	573.136.453	274.860.613
Công ty CP Sách Đại Học Dạy nghề	209.369.790	135.469.390
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	166.832.072	137.926.472
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	749.543.055	451.537.227
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	774.784.690	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định	172.596.516	186.091.644
Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Hà Nội	799.743.119	667.514.259
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. HCM	813.573.587	237.493.284
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	340.604.320	50.991.460
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	2.744.878.439	-
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	515.178.462	298.915.030
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	550.611.631	477.368.671
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	4.573.553.676	2.979.319.006
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	92.189.620	11.301.955
Công ty CP Sách dịch và từ điển giáo dục	41.765.369	41.765.369
Các đối tượng khác	-	148.924.362
Cộng	14.708.917.129	6.387.033.628

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Trường Tiểu học Bành Văn Trân	57.000.000	-
Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	52.766.927	-
Trường THCS Ngô Tất Tố	72.000.000	-
Các đối tượng khác	478.503.588	1.422.439.893
Cộng	660.270.515	1.422.439.893

18. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	109.746.630	-	185.938.031	74.000.000	126671703	129.273.839
Thuế TNDN	165.108.482	-	473.758.455	218.669.516	79.845.390	169.825.847
Thuế TNCN	-	1.262.129	348.463.810	317.081.064	-	32.644.875
Tiền thuê nhà, thuê đất	-	-	47.277.602	47.277.602	-	-
Các loại thuế khác	-	-	12.680.363	12.819.323	138.960	-
Cộng	274.855.112	1.262.129	882.180.230	595.847.505	206.656.053	331.744.561

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Chi phí bản thảo, biên tập	2.128.952.232	3.155.248.305
Chi phí hoa hồng môi giới	419.514.023	1.263.499.664
Chi phí phải trả về tiền chiết khấu bán hàng	121.212.760	150.050.760
Chi phí thuê mặt bằng	-	8.400.000
Tiền ăn giữa ca	-	6.705.000
Chi phí khác	40.900.000	60.000.000
Cộng	2.710.579.015	4.643.903.729

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Phải trả ngắn hạn khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Kinh phí công đoàn	11.898.938	-
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	42.129.695	22.740.900
Cổ tức phải trả	3.699.750	2.203.500
Tài sản thừa chờ xử lý	32.521.276	27.729.126
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	78.000.000	78.000.000
Quỹ bình ổn sách giáo khoa (*)	25.000.000.000	-
Phải trả khác	292.608.511	343.812.500
Cộng	25.460.858.170	474.486.026

(*) Tạm ứng ngân sách để thực hiện chương trình bình ổn giá sách giáo khoa năm học 2017 – 2018 tổng số tiền 25 tỷ đồng (Trong đó của Sở Công thương Tỉnh Đồng Nai là 20 tỷ đồng theo Công văn số 1509/SCT-TM ngày 05/05/2017 và của Ủy ban nhân dân Tỉnh Vĩnh Long là 5 tỷ đồng theo công văn số 109/UBND-KTTH ngày 24/03/2017).

b. Dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	260.000.000	260.000.000
Cộng	260.000.000	260.000.000

21. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn đến hạn trả	90.000.000	-	45.000.000	45.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Vĩnh Long	90.000.000	-	45.000.000	45.000.000
Cộng	90.000.000	-	45.000.000	45.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	292.500.000	-	45.000.000	247.500.000
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Vĩnh Long	292.500.000	-	45.000.000	247.500.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-
Cộng	292.500.000	-	45.000.000	247.500.000
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	90.000.000			45.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	202.500.000			202.500.000

Vay dài hạn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long theo hợp đồng tín dụng số 04/2015-HĐTDHM/NHCT800-CTCP SACH THIET BI VINH LONG ngày 01/04/2015 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ Ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay là 450.000.000 đồng được đảm bảo từ tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10,5%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần. Mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án: Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Vĩnh Long; Hạng mục: Xây dựng mới nhà làm việc.

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2016	41.370.000.000	1.712.000.000	(2.035.282.090)	4.894.634.920	8.478.403.390
Điều chỉnh hợp nhất		748.177	-	7.480.039	12.116.767
Tăng trong năm	-	515.438.218	1.355.408.186	185.907.056	4.121.436.744
Giảm trong năm	-	-	-	-	4.362.536.929
Số dư tại 31/12/2016	41.370.000.000	2.228.186.395	(679.873.904)	5.088.022.015	8.249.419.972
Số dư tại 01/01/2017	41.370.000.000	2.228.186.395	(679.873.904)	5.088.022.015	8.249.419.972
Điều chỉnh hợp nhất	-	309.323	-	4.463.588	689.244
Tăng trong kỳ	-	-	-	21.160.991	2.042.820.348
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	3.661.297.891
Số dư tại 30/06/2017	41.370.000.000	2.228.495.718	(679.873.904)	5.113.646.594	6.631.631.673

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty TNHH MTV	6.320.000.000	6.320.000.000
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam		
Cổ đông khác	34.110.000.000	34.110.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	940.000.000	940.000.000
Cộng	41.370.000.000	41.370.000.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.137.000	4.137.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	94.000	94.000
- Cổ phiếu phổ thông	94.000	94.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	8.249.419.972	8.478.403.390
Lợi nhuận sau thuế kỳ này	2.042.820.348	4.121.436.744
Điều chỉnh do hợp nhất	689.244	12.116.767
Phân phối lợi nhuận năm trước	3.659.142.541	4.315.153.501
- Trích quỹ đầu tư phát triển	20.442.541	185.712.580
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	86.440.921
- Trả cổ tức cho các cổ đông	3.638.700.000	4.043.000.000
Phân phối lợi nhuận năm nay	2.155.350	47.383.428
- Trích quỹ đầu tư phát triển	718.450	194.476
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.436.900	47.188.952
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	6.631.631.673	8.249.419.972

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 86/NQ-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

SGD ngày 24/03/2017.

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	38.978.066.591	42.736.414.838
Doanh thu bán hàng hóa	37.791.476.440	35.735.540.579
Doanh thu dịch vụ	631.818.183	686.181.818
Doanh thu khác	1.963.423.157	113.182.843
Cộng	79.364.784.371	79.271.320.078

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Hàng bán bị trả lại	1.787.550	36.540.886
Chiết khấu thương mại	1.107.643.168	779.658.358
Cộng	1.109.430.718	816.199.244

25. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	31.703.078.213	34.824.777.990
Giá vốn của hàng hóa	33.081.667.905	31.337.305.462
Giá vốn của dịch vụ	-	72.399.718
Giá vốn hoạt động khác	1.498.397.798	104.936.394
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(145.645.300)	393.958.220
Cộng	66.137.498.616	66.733.377.784

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	484.053.352	196.401.302
Cổ tức, lợi nhuận nhận được chia	208.453.750	203.480.000
Cộng	692.507.102	399.881.302

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(116.134.680)	(137.485.860)
Chi phí lãi vay	19.000.283	21.893.777
Lỗ từ bán cổ phiếu	378.000.000	-
Cộng	280.865.603	(115.592.083)

28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tiền lương, các khoản trích theo lương	2.584.235.774	2.282.119.798
Chi phí vận chuyển	928.833.493	670.155.560
Hoa hồng môi giới, phí phát hành	4.694.300	-
Các khoản khác	1.160.324.519	1.136.513.825
Cộng	4.678.088.086	4.088.789.183

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tiền lương	2.438.631.529	2.215.211.872
Khấu hao TSCĐ	66.762.924	-
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	330.864.363	390.087.982
Các khoản khác	1.844.202.837	2.048.945.202
Cộng	4.680.461.653	4.654.245.056

29. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Thu nhập từ bán phế liệu, công cụ dụng cụ	8.331.818	4.545.455
Thu nhập khác	67.951.401	6.190.627
Cộng	76.283.219	10.736.082

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lỗ từ thanh lý BĐS đầu tư	114.024.780	-
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	21.704.528	54.282.672
Các khoản khác	48.462.567	11.200
Cộng	184.191.875	54.293.872

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.063.038.141	3.450.624.406
Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN	(17.482.405)	(110.015.292)
- Các khoản điều chỉnh tăng	190.971.345	93.464.708
+ Lợi thế thương mại phân bổ	65.936.680	39.182.036
+ Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	-	54.282.672
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	96.000.000	-
+ Các khoản khác	29.034.665	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	208.453.750	203.480.000
+ Cổ tức được chia	208.453.750	203.480.000
Tổng thu nhập chịu thuế	3.045.555.736	3.340.609.114
Thuế thu nhập doanh nghiệp	473.758.455	591.955.599
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	473.758.455	591.955.599
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	473.758.455	544.685.503
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này		47.270.096

32. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.042.820.348	2.355.505.209
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	(1.436.900)	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	1.436.900	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	2.041.383.448	2.355.505.209
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.043.000	4.018.708
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	505	586

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.562.217.531	9.717.025.500
Chi phí nhân công	5.022.867.303	4.497.331.670
Chi phí khấu hao tài sản cố định	362.091.208	361.996.718
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.539.843.403	7.133.691.203
Chi phí khác bằng tiền	1.995.087.093	3.056.695.817
Cộng	21.482.106.538	24.766.740.908

34. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

35. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản và đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty bao gồm các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các đại lý, Sở giáo dục, trường học..., các Công ty không nằm trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở Giáo dục, trường học, các Công ty không thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán, theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	25.128.433.886	-	25.128.433.886
Chi phí phải trả	2.710.579.015	-	2.710.579.015
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	45.000.000	202.500.000	247.500.000
Phải trả khác	25.374.308.261	260.000.000	25.634.308.261
Cộng	53.258.321.162	462.500.000	53.720.821.162
31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	15.157.735.410	-	15.157.735.410
Chi phí phải trả	4.643.903.729	-	4.643.903.729
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	90.000.000	202.500.000	292.500.000
Phải trả khác	424.016.000	260.000.000	684.016.000
Cộng	20.315.655.139	462.500.000	20.778.155.139

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	31.907.211.932	-	31.907.211.932
Phải thu khách hàng	29.660.558.740	-	29.660.558.740
Đầu tư tài chính	3.348.279.486	2.000.000.000	5.348.279.486
Phải thu khác	346.580.644	-	346.580.644
Cộng	65.262.630.802	2.000.000.000	67.262.630.802
31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	25.589.197.657	-	25.589.197.657
Phải thu khách hàng	12.852.325.502	-	12.852.325.502
Đầu tư tài chính	2.200.628.186	2.840.000.000	5.040.628.186
Phải thu khác	353.346.736	-	353.346.736
Cộng	40.995.498.081	2.840.000.000	43.835.498.081

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hà Nội	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Cần Thơ	Công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán học và tuổi Trẻ	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán tuổi thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
CN Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ

Công ty liên quan	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Bán hàng		
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Phương Nam	7.888.784.381	9.090.259.646
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục tại Đà Nẵng	165.840.000	-
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Hà Nội	-	215.580.000
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	21.822.435	271.684.700
CN Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP. Cần Thơ	7.573.139	15.687.670
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam	30.000.000	48.766.572
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Cửu Long	163.143.140	214.762.880
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam	89.485.224	199.339.166
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Trung	-	173.914.000
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Đà Nẵng	1.609.581.480	2.135.279.992
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hà Nội	2.382.505.550	1.765.149.516
CN Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề tại TPHCM	4.664.800	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	143.716.000	158.432.320
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	242.499.340	271.729.010
Công ty CP Sách - Thiết bị giáo dục Bình Dương	225.342.199	373.321.065
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	145.480.465	182.160.240
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	742.015.586	1.175.240.486
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	131.628.615	37.827.370
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh	140.160.265	-
Mua hàng		
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục	1.562.223.680	1.682.051.600
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	15.768.250	42.982.698
Công ty CP Sách Dân Tộc	698.275.840	1.013.679.560
Công ty CP Sách Đại Học Dạy nghề	173.900.400	198.515.100
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Đà Nẵng	222.621.600	141.990.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Hà Nội	498.005.828	2.427.293.542
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Phương Nam	19.330.822.845	1.888.840.269
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Gia Định	156.995.480	-
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Hà Nội	731.147.260	590.102.500
Công ty CP Mĩ Thuật Và Truyền Thông	92.189.620	77.133.180
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP. HCM	775.120.303	977.102.154
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP. Đà Nẵng	-	143.062.500
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Bắc	452.220.110	400.397.930
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Cửu Long	8.508.148.934	141.656.167
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam	27.585.821.459	2.612.818.458
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Đà Nẵng	1.882.824.440	2.159.835.720
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hà Nội	7.376.740.220	2.445.129.174
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	-	50.727.500
Công ty CP Sách Dịch Vụ và Từ Điển Giáo Dục	23.315.820	25.676.700
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo Dục Bình Dương	1.053.618.816	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Các giao dịch khác

		6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Ban Tổng Giám đốc	Tiền lương, tiền thưởng	427.817.000	384.399.000
Hội đồng quản trị	Tiền thù lao	88.800.000	76.800.000

37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

38. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2017

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai